

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
đầu tư Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính Quý 2 cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.710.596.128	90.286.910.406
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.302.311.024	7.040.439.445
1. Tiền	111		546.435.888	224.824.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.755.875.136	6.815.615.143
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	70.446.137.559	77.665.575.477
1. Đầu tư ngắn hạn	121		70.471.717.559	81.359.561.877
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(25.580.000)	(3.693.986.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.851.520.024	5.151.773.434
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.073.300.000	3.178.000.000
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	660.213.680	684.404.392
5. Các khoản phải thu khác	135	7	3.118.006.344	1.289.369.042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		110.627.521	429.122.050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		81.922.969	314.885.715
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	-	114.236.335
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.704.552	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.699.780.703	24.705.739.039
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42.600.000.000	24.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9	22.600.000.000	4.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		99.780.703	105.739.039
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		23.083.578	29.041.914
4. Tài sản dài hạn khác	268		76.697.125	76.697.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.410.376.831	114.992.649.445

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.661.199.711	2.701.519.589
I. Nợ ngắn hạn	310		1.661.199.711	2.701.519.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312	10	511.024.406	70.498.774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	615.767.143	207.924.415
5. Chi phí phải trả	316		66.000.000	176.000.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	164.658.162	120.846.400
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		303.750.000	2.126.250.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		119.749.177.120	112.291.129.856
I. Vốn chủ sở hữu	410		119.749.177.120	112.291.129.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.574.926.795	1.574.926.795
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.574.926.795	1.574.926.795
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.599.323.530	9.141.276.266
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		9.241.481.581	9.646.016.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		7.357.841.949	(504.740.132)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.410.376.831	114.992.649.445

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		40.605.560.000	40.815.410.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		6.500.000.000	22.820.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	19	42.364.390	105.879.871
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	19	533.753.210.000	509.885.086.934
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	13.216.055.000	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	19	394.255.395	454.255.136

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Phương

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2021		Quý 2/2020		Đơn vị tính: VND	
							Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1. Doanh thu	01	13	2.798.098.450	1.571.257.638	5.383.753.980	3.095.478.864		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0		
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		2.798.098.450	1.571.257.638	5.383.753.980	3.095.478.864		
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14	3.215.547.273	1.073.744.787	4.961.896.810	2.405.476.453		
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(417.448.823)	497.512.851	421.857.170	690.002.411		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	5.384.023.021	1.956.639.484	6.875.859.262	2.210.173.362		
7. Chi phí tài chính	22	16	381.842.947	925.747.951	(1.961.950.644)	3.247.780.539		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	891.739.022	598.488.527	1.524.524.479	1.160.422.934		
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.692.992.229	929.915.857	7.735.142.597	(1.508.027.700)		
10. Thu nhập khác	31		0	0	0	0		
11. Chi phí khác	32		0	0	0	0		
12. Lợi nhuận khác	40		0	0	0	0		
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.692.992.229	929.915.857	7.735.142.597	(1.508.027.700)		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	212.710.246	0	277.095.333	0		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.480.281.983	929.915.857	7.458.047.264	(1.508.027.700)		

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Lan

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương



Nguyễn Hồ Nga

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QŨY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.735.142.597	(1.508.027.700)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		-
- Các khoản dự phòng	03	(3.668.406.400)	346.438.020
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.530.699.362)	(770.571.348)
- Các khoản điều chỉnh khác	06		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	536.036.835	(1.932.161.028)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.038.638.181	2.193.814.520
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.317.415.211)	(6.281.562)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	238.921.082	17.632.874
- Tiền lãi vay đã trả	13		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.496.180.887	273.004.804
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.765.690.692	770.571.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.234.309.308)	770.571.348

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QŨY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>-</u>	<u>-</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.738.128.421)	1.043.576.152
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	7.040.439.445	10.323.730.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	<u>2.302.311.024</u>	<u>11.367.306.417</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Phương

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 2 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B05-CTQ

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
	1/1/2021		6 tháng 2021		6 tháng 2020		30/06/2021	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.574.926.795	1.600.135.105	-	-	-	-	1.574.926.795	1.600.135.105
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.574.926.795	1.600.135.105	-	-	-	-	1.574.926.795	1.600.135.105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.141.276.266	9.595.025.854	7.458.047.264	-	1.508.027.700	-	16.599.323.530	8.086.998.154
	112.291.129.856	112.795.296.064	7.458.047.264	-	1.508.027.700	-	119.749.177.120	111.287.268.364

Người lập



Nguyễn Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương

Ngày 10 tháng 07 năm 2021

Tổng giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”) là công ty con 100% vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA (“Công ty mẹ”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 3 năm 2008.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC – UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT sở hữu 100% cổ phần của Công ty. Công ty mẹ trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 02/7/2021, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 theo quy định của luật doanh nghiệp hiện hành.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

(c) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có 22 nhân viên (01/01/2021: 20 nhân viên).

(d) Công ty con

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có 01 công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH IVND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108599981 cấp ngày 24/01/2019	Công thông tin	20 tỷ đồng	100%

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Đầu tư và dự phòng giảm giá đầu tư

(i) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Phân loại

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết, được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.
- Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán phi phái sinh được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào, mà không phải là các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Ghi nhận và dừng ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Nguyên giá của chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo các quy định hiện hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(d) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài

chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 - 3 năm.

(e) **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(f) **Nguồn vốn kinh doanh**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

(g) **Các quỹ dự trữ pháp định**

Theo Thông tư 146, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(h) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(i) **Doanh thu**

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư bao gồm phí quản lý được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(j) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(k) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(l) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	546.435.888	224.824.302
Các khoản tương đương tiền	1.755.875.136	6.815.615.143
Cộng	2.302.311.024	7.040.439.445

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đầu tư ngắn hạn (i)		
- Cổ phiếu niêm yết	68.444.488.135	61.865.641.732
- Trái phiếu chưa niêm yết	2.027.229.424	18.493.920.145
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.000.000.000
	70.471.717.559	81.359.561.877
Dự phòng giảm giá đầu tư (ii)	(25.580.000)	(3.693.986.400)
	70.446.137.559	77.665.575.477

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 2 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTQ

(i) Chi tiết đầu tư ngắn hạn:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	4.060.556	68.444.488.135	4.081.541	61.865.641.732
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	2.589.341	33.060.341.600	2.589.341	33.060.341.600
CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	1.337.200	25.406.800.000	1.337.200	25.406.800.000
Công ty CP Nhựa Bình Minh	20.000	1.188.900.000	-	-
CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	20.000	709.000.000	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	36.000	5.229.223.503	-	-
CTCP Đầu tư Nam Long	30.000	1.179.000.000	-	-
CTCP Cao su Phước Hòa	25.000	1.426.680.000	-	-
Công ty CP FPT	3.015	244.543.032	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội	-	-	75.000	1.342.500.000
Công ty CP phân bón Bình Điền	-	-	70.000	1.190.000.132
Công ty CP Vinhomes	-	-	10.000	866.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	-	1.000.000.000
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	20.000	2.027.229.424	183.200	18.493.920.145
Công ty CP tập đoàn Hà Đô	-	-	163.200	16.461.020.145
Công ty CP tập đoàn Đất xanh	20.000	2.027.229.424	20.000	2.032.900.000
Cộng		70.471.717.559		81.359.561.877

Trong đó cổ phiếu bị giảm giá:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội			75.000	1.342.500.000
Công ty CP tập đoàn IPA			1.337.200	25.406.800.000
Công ty CP Nhựa Bình Minh	20.000	1.188.900.000		
CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	20.000	709.000.000		
CTCP Đầu tư Nam Long	30.000	1.179.000.000		
CTCP Cao su Phước Hòa	25.000	1.426.680.000		
Cộng	95.000	4.503.580.000	1.412.200	26.749.300.000

(ii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	6 tháng 2021	6 tháng 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	(3.693.986.400)	(132.822.780)
Trích lập dự phòng/Hoàn nhập trong kỳ	3.668.406.400	(346.438.020)
Số dư cuối năm	(25.580.000)	(479.260.800)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (*) VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect – phí quản lý danh mục đầu tư	357.636.792	454.255.136
Quỹ đầu tư trái phiếu VND – phải thu hoạt động quản lý quỹ	53.960.705	73.862.981
Quỹ đầu tư chủ động VND – phải thu hoạt động quản lý quỹ	248.616.183	156.286.275
Cộng	660.213.680	684.404.392

(*) Công ty đã trình bày lại số dư đầu kỳ khoản mục phải thu hoạt động nghiệp vụ cho phù hợp với quy định hiện hành.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu cổ tức	2.804.341.000	215.000.000
Phải thu tiền dự thu trái tức. lãi tiền gửi	154.998.356	993.369.042
Phải thu khác	158.666.988	81.000.000
Cộng	3.118.006.344	1.289.369.042

8. Đầu tư vào công ty con

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH IVND (sở hữu 100%)

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	4.600.000.000	4.600.000.000
Chứng chi tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000.000	-
Cộng	22.600.000.000	4.600.000.000

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP chứng khoán Vndirect	59.774.406	42.410.812
Công ty CP Finhay Việt Nam	46.250.000	22.662.500
Công ty CP Dịch vụ TM Tin học Đầu tư XD Đông Dương	405.000.000	0
Đối tượng khác	0	5.425.462
Cộng	511.024.406	70.498.774

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(114.236.335)	277.095.333	-	162.858.998
Thuế thu nhập cá nhân	207.924.415	599.202.903	(354.219.173)	452.908.145
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	93.688.080	879.298.236	(357.219.173)	615.767.143

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	125.595.445	109.475.445
Phải trả khác	39.062.717	11.370.955
Cộng	164.658.162	120.846.400

13. Doanh thu

	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2020 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.964.641.436	1.139.942.550
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	641.413.091	398.501.329
Doanh thu hoạt động nghiệp vụ khác	192.043.923	32.813.759
Doanh thu thuần	2.798.098.450	1.571.257.638

14. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2020 VND
Chi phí nhân viên	2.353.192.446	1.051.167.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.354.827	22.577.179
Cộng	3.215.547.273	1.073.744.787

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	155.967.123	90.613.700
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.683.757	5.277.849
Lãi trái phiếu	716.694.210	542.231.506
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.629.441.000	120.000.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.880.236.931	1.198.516.429
Cộng	5.384.023.021	1.956.639.484

16. Chi phí tài chính

	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2020 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(316.017.794)	479.260.800
Lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán	541.445.123	348.288.658
Phí mua bán chứng khoán	156.415.618	98.198.493
Cộng	381.842.947	925.747.951

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	676.220.416	377.038.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.518.606	221.449.787
Cộng	891.739.022	598.488.527

18. Thuế thu nhập

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Bảng tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.735.142.597	(1.508.027.700)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(6.349.665.932)	(120.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.349.665.932)	(120.000.000)
Thu nhập chịu thuế	1.385.476.665	(1.628.027.700)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	277.095.333	0
Số đã nộp/ nộp thừa	(114.236.335)	(114.236.335)
Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	162.858.998	(114.236.335)

19. Báo cáo về hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán

Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của 3 nhà đầu tư ủy thác (31/12/2020: 2 nhà đầu tư ủy thác). Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

(i) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	-
Công ty Cổ phần Camellia	42.364.390	105.879.871
Cộng	42.364.390	105.879.871

(ii) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	<i>533.753.210.000</i>	<i>509.885.086.934</i>
- Cổ phiếu niêm yết (Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	290.753.210.000	266.885.014.670
Trong đó: Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá		-
- Cổ phiếu không niêm yết (Chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	243.000.000.000	243.000.072.264
Trong đó: Cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá		
	533.753.210.000	509.885.086.934

(iii) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu tiền cổ tức	13.216.055.000	0
Tổng cộng	13.216.055.000	0

(iv) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả phí quản lý danh mục	357.636.792	454.255.136
Phải trả phí lưu ký	36.618.603	-
Tổng cộng	394.255.395	454.255.136

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA
 Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT
 Quỹ đầu tư chủ động VND
 Quỹ đầu tư trái phiếu VND
 Công ty TNHH IVND

Mối quan hệ

Chủ sở hữu cũ, bên liên quan của Công ty mẹ
 Công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Cùng công ty mẹ
 Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A **Mẫu B09-CTQ**
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 2 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Số dư tại ngày	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect		
Vốn góp	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Tài khoản giao dịch chứng khoán	1.155.875.136	6.815.615.143
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	357.636.792	454.255.136
Danh mục đầu tư ủy thác	290.753.210.000	266.885.086.934
Phải trả phí bổ sung trả đại lý phân phối CCQ VNDAF	59.774.406	42.410.812
Phải trả phí giao dịch phát hành/mua lại CCQ cho đại lý phân phối	32.941.862	-
Quỹ đầu tư chủ động VNDirect		
Phải thu phí quản lý Quỹ mở	183.346.122	107.328.183
Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ	65.270.061	48.958.092
Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	45.000.000	45.000.000
Phải thu phí giao dịch phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	77.468.822	-
Quỹ đầu tư trái phiếu VNDirect		
Phải thu phí quản lý Quỹ mở	47.221.192	73.862.981
Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ	6.739.514	-
Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ	36.000.000	36.000.000
Phải thu phí giao dịch phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	198.166	-
Công ty TNHH IVND		
Góp vốn	20.000.000.000	20.000.000.000

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

	Giá trị giao dịch	
	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2020 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect		
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.023.391.436	1.139.942.550
Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán	1.231.336	4.951.618
Phí giao dịch và phí lưu ký	157.623.994	98.198.493
Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở VNDAF	141.596.410	18.307.487
Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở VNDBF	14.703.456	

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A **Mẫu B09-CTQ**
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 2 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	Quý 2/2021 VND	Quý 2/2021 VND
Quỹ đầu tư chủ động VNDirect		
Phải thu phí quản lý Quỹ mở	499.985.749	199.035.149
Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ	172.761.451	32.813.759
Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	49.459.525	-
Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	77.468.822	-
Quỹ đầu tư trái phiếu VNDirect		
Phải thu phí quản lý Quỹ mở	141.427.342	199.466.180
Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ	19.282.472	-
Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	54.667.955	-
Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	584.387	-

Ngày 10 tháng 07 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương

Tổng giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

